

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2021/HNGĐ – ST**

Ngày: 25/6/2021

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
không tham gia phiên tòa**

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Phượng M, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Anh Trương Thiết T, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Phượng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Thiết T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước theo

giấy đăng ký kết hôn số 41/2012, ký ngày 28/8/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Trương Thiết T không muốn có con. Khi chị sinh cháu Trương Bảo Kh thì anh Trương Thiết T bắt đầu cáu gắt với chị, anh Trương Thiết T cho rằng vì chị sinh con nên khiến anh vất vả, khổ cực hơn trong việc kiếm tiền lo cho gia đình. Thời gian đó chị đã nộp đơn ly hôn và kéo dài thời gian sống xa nhau đến năm 2015 nhưng vì thương con nên chị đoàn tụ với anh Trương Thiết T. Tuy nhiên, mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không khắc phục được, anh Trương Thiết T càng ngày càng thiếu trách nhiệm trong gia đình, không chăm sóc, lo lắng cho vợ con. Chị và anh Trương Thiết T đã nói chuyện, trao đổi để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng chăm sóc cho con nhưng anh Trương Thiết T vẫn không thay đổi. Sau đó, đến năm 2019 chị và anh Trương Thiết T sống ly thân. Thời gian ly thân là 2 năm. Nay chị không còn tình cảm, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Thiết T.

Về nuôi con chung: Chị và anh Trương Thiết T có 01 con chung tên là Trương Bảo Kh sinh ngày 22/7/2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Chị và anh Trương Thiết T tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Trương Thiết T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Thiết T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai của chị Trần Phượng M về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Anh xác nhận từ năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do không hợp tính nhau.

Tại phiên tòa anh bổ sung mâu thuẫn của vợ chồng là do xuất phát từ việc sinh cháu Trương Bảo Kh. Anh cho rằng kinh tế vợ chồng chưa ổn định nên từ từ hãy sinh con chứ không phải là không muốn có con. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Trần Phượng M, anh không đồng ý vì anh còn thương yêu vợ con. Tuy nhiên, nếu chị Trần Phượng M kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Trần Phượng M về con chung. Sau khi ly hôn anh đồng ý với nguyện vọng của chị Trần Phượng M, đồng ý giao cháu cho chị Trần Phượng M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Anh và chị Trần Phương M tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Trần Phương M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Phương M và anh Trương Thiết T đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 41/2012, ký ngày 28/8/2012. Lời khai của chị Trần Phương M và anh Trương Thiết T phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 04). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Phương M và anh Trương Thiết T là hợp pháp.

[2] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Chị Trần Phương M khai nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Trần Phương M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa, anh Trương Thiết T khai nhận anh còn thương vợ và mong muốn con cái có đủ cha mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, anh Trương Thiết T và chị Trần Phương M đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc các bên không thống nhất được với nhau về thời điểm sinh con cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế. Thời gian phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và kéo dài cho đến năm 2019. Mâu thuẫn của anh chị đã được người nhà hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả (thể hiện ở bút lục số 28). Chị Trần Phương M khai nhận khi chung sống với nhau anh Trương Thiết T thiếu trách nhiệm làm chồng, làm cha, sống vô tâm với vợ con. Anh Trương Thiết T không có sự chia sẻ với chị Trần Phương M trong việc chăm sóc con cũng như công việc trong gia đình. Anh Trương Thiết T không phủ nhận lời khai của chị Trần Phương M. Tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương*

yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Như vậy, anh Trương Thiết T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng.

Anh Trương Thiết T khai nhận anh còn yêu thương chị Trần Phượng M nên mong muốn đoàn tụ. Xét, như đã phân tích ở trên, trong thời gian chung sống anh Trương Thiết T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng. Tuy nhiên, trong thời gian vợ chồng sống mỗi người một nơi, anh Trương Thiết T không thể hiện thiện chí cải thiện quan hệ hôn nhân hiện tại của vợ chồng. Điều này thể hiện qua việc trong thời gian ly thân đôi bên độc lập về kinh tế, không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Anh Trương Thiết T cũng xác nhận trong thời gian ly thân anh không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc chị Trần Phượng M. Do đó không đủ cơ sở chấp nhận nguyện vọng đoàn tụ của anh Trương Thiết T.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.* Như vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Phượng M đối với anh Trương Thiết T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Phượng M và anh Trương Thiết T khai nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Trương Bảo Kh sinh ngày 22/7/2014. Lời khai của chị Trần Phượng M và anh Trương Thiết T phù hợp với giấy khai sinh đứng tên Trương Bảo Kh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Trần Phượng M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Xét, cháu Trương Bảo Kh mới có 07 tuổi cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Chị Trần Phượng M và anh Trương Thiết T đều xác nhận trong thời gian ly thân, chị Trần Phượng M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Bảo Kh phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu Trương Bảo Kh có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Thiết T cũng đồng ý yêu cầu của chị Trần Phượng M. Như vậy, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Trương Bảo Kh theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Trương Bảo Kh cho chị Trần Phượng M trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Trần Phượng M và anh Trương Thiết T đều khai nhận anh chị tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Phượng M và anh Trương Thiết T khai nhận anh chị không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Trần Phượng M phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Phượng M. Chị Trần Phượng M được ly hôn với anh Trương Thiết T

2. Về nuôi con chung: Giao Trương Bảo Kh sinh ngày 22/7/2014 cho chị Trần Phượng M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trương Thiết T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Phượng M, anh Trương Thiết T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Chị Trần Phượng M, anh Trương Thiết T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Trần Phượng M, anh Trương Thiết T không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Phương M phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 016246 ký ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong)*.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/6/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đ;
- Chi cục THADS huyện Bù Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh